

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1-ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 12/2026/DS-ST
Ngày: 16/01/2026

*V/v Tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-ĐỒNG THÁP**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tường

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Bà Lê Thị Bé Bảy

2/Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Yến Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Đồng Tháp không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 548/2025/TLST-DS ngày 14/11/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2026/QĐXXST-DS ngày 08/01/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Lê Thị B sinh năm 1954

Căn cước công dân: 082154008317 cấp ngày 09/12/2021. Nơi cấp: Cục C về TTXH – Bộ C1.

Địa chỉ: ấp A, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện ủy quyền:

1/ Bà Nguyễn Thị Huỳnh N sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, tỉnh Đồng Tháp

2/ Ông Huỳnh Thanh B1 sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đăng Phong Dưới, xã Tân Thuận Bình, tỉnh Đồng Tháp

2. Bị đơn:

Nguyễn Thị N1 sinh năm 1973 (có mặt)

Phùng Văn S sinh năm 1969 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp P, xã M, tỉnh Đồng Tháp

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Huỳnh Thanh B1 trình bày:

Nguyên đơn bà Lê Thị B có cho bị đơn bà N1 và ông S mượn số tiền là 50.000.000 đồng, lãi 2%/tháng vào ngày 13/1/2022, thỏa thuận miệng trả trong 03 tháng, do bị đơn không thực hiện trả tiền theo thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 50.000.000 đồng, trả 01 lần khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

* Theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị N1 trình bày:

Bị đơn bà N1 thừa nhận bà N1 và ông S còn nợ bà B 50.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 03 tháng nhưng chưa trả, nay đồng ý trả 50.000.000 đồng, nhưng xin trả dần, trả làm ba lần, từ ngày 01/01/2026 đến 30/3/2026 trả 20.000.000 đồng, từ 30/3/2026 đến 30/6/2026 trả 20.000.000 đồng, từ ngày 30/6/2026 đến 30/8/2026 trả 10.000.000 đồng, không khả năng trả 01 lần do hoàn cảnh khó khăn.

* Tại bản tự khai ngày 31/12/2025 bị đơn ông Phùng Văn S trình bày: vợ chồng ông S và bà N1 có nợ bà B 50.000.000 đồng, không có khả năng trả 01 lần xin trả làm ba lần, từ ngày 01/01/2026 đến 30/3/2026 trả 20.000.000 đồng, từ 30/3/2026 đến 30/6/2026 trả 20.000.000 đồng, từ ngày 30/6/2026 đến 30/8/2026 trả 10.000.000 đồng, không khả năng trả 01 lần do hoàn cảnh khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn cư trú tại ấp P, xã M, tỉnh Đồng Tháp, do đó căn cứ vào Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Đồng Tháp. Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn anh Huỳnh Thanh B1 có mặt, chị Nguyễn Thị Huỳnh N vắng mặt. Tuy nhiên, theo giấy ủy quyền ngày 04/11/2025 mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án thể hiện trường hợp trong quá trình xét xử một trong các đại diện ủy quyền của nguyên đơn là anh Huỳnh Thanh B1 hoặc chị Nguyễn Thị Huỳnh N vắng mặt tại phiên tòa thì người còn lại được toàn quyền quyết định các vấn đề liên quan đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Huỳnh N.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 50.000.000 đồng, do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” được xem xét giải quyết theo Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung yêu cầu:

Căn cứ vào thừa nhận của các đương sự, bản tự khai cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định:

Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 13/01/2022, trình bày thừa nhận của các bên tại phiên tòa và quá trình giải quyết, thì phía nguyên đơn là bà B có cho bị đơn bà N1 và ông S mượn số tiền là 50.000.000 đồng, lãi 2%/tháng, thỏa thuận miệng trả trong 03 tháng, do bị đơn không thực hiện trả tiền theo thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 50.000.000 đồng, trả 01 lần khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà N1 và ông S thừa nhận có mượn tiền bà B và đồng ý trả 50.000.000 đồng tiền nợ, nhưng xin trả dần, trả làm ba lần, từ ngày 01/01/2026 đến 30/3/2026 trả 20.000.000 đồng, từ 30/3/2026 đến 30/6/2026 trả 20.000.000 đồng, từ ngày 30/6/2026 đến 30/8/2026 trả 10.000.000 đồng, không khả năng trả 01 lần do hoàn cảnh khó khăn.

Từ những nhận định trên, có cơ sở xác định bị đơn bà N1 và ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn Lê Thị B, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Bị đơn xin trả dần hàng tháng nhưng không được phía nguyên đơn chấp nhận do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ 50.000.000 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật, là có căn cứ đúng quy định pháp luật do đó HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí:

Nguyên đơn có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí và thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí do là người cao tuổi nên không xem xét giải quyết về án phí.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 39, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

- Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Xử:

1/Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Bê

Buộc bị đơn Nguyễn Thị N1 và Phùng Văn S có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Lê Thị B số tiền 50.000.000 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/Về án phí:

Bị đơn Nguyễn Thị N1 và Phùng Văn S phải chịu 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn bà N1 có mặt quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Phùng Văn S vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc T

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 1-Dồng Tháp
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.